TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2017/HSST
Ngày: 27-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và bà Lê Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 138/2017/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2017/HSST-QĐ ngày 13/12/2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn H** (tên gọi khác: không); sinh năm 1991 tại huyện Q, Nghệ An; nơi cư trú: xóm 4, xã QG, huyện Q, Nghệ An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Th; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Văn T** (tên gọi khác: không); sinh ngày 25 tháng 7 năm 1987 tại huyện Q, Nghệ An; nơi cư trú: xóm 3, xã QG, huyện Q, Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Th1 và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 09/3/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù, về tội "Cướp giật tài sản" (Bản án số 73/2012/HSST), đã chấp hành xong bản án; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn Ph** (tên gọi khác: không); sinh ngày 25 tháng 3 năm 1996 tại huyện Q, Nghệ An; nơi cư trú: xóm 4, xã QG, huyện Q, Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Nh và bà Phan Thị

Ng; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Chị Phạm Thị Khánh H1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm 3, xã DY, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm QL, xã QTh, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Bá Ng1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xóm 12, xã QG, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Xóm 4, xã QG, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vụ thứ nhất: Ngày 24/7/2017, H rủ Ph đi chơi, trên đường đi H bảo Ph "hai anh em đi kiếm chi rồi về". Hiểu ý H là đi cướp giật tài sản. Ph đồng ý. H điều khiển xe máy Exciter mang biển kiểm soát 37L1-428.61 chở Ph, xuất phát từ huyện Q đi huyện D theo quốc lộ 1A. Khoảng 10 giờ, cùng ngày cả hai đi đến cách khu vực cầu vượt Y (xã DY) khoảng 200m. H thấy bên phải đường có người phụ nữ trẻ cầm chiếc điện thoại, H điều khiển xe đi qua người phụ nữ và nói với Ph "có đứa con gái cầm điện thoại trên tay, ta quay lại giật điện thoại". H và Ph quay lại, H dừng xe vẫn để máy nổ cách người phụ nữ 3,5m, Ph xuống xe giật chiếc điện thoại và lên xe H điều khiển chạy thoát. Sau đó, H đưa điện thoại đến ốt bán và sửa chữa điện thoại CĐ cắm được 400.000đồng. H và Ph đã tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 13/8/2017, H điều khiển xe máy Ware mang biển kiểm soát 37B3-7907 chở T đi từ CB xã DK về huyện Q theo đường quốc lộ 1A. Khi đi qua cầu vượt Y, xã DY. T nói với H "phía bên kia đường có đứa con gái đi xe máy đeo một chiếc túi xách trước bụng, giờ ta quay lại giật túi xách lấy tiền tiêu xài". H đồng ý, điều khiển xe quay lại, áp sát xe máy của người phụ nữ. T giật chiếc túi xách và nói "chạy nhanh đi". H điều khiển xe chạy thoát đến đường đê xã DV dừng lại kiểm tra bên trong túi xách có 01 điện thoại Iphone 4 màu trắng, 01 điện thoại Lumia màu đen đã bị vỡ màn hình, 2.600.000đồng và một số giấy tờ tùy thân. Tiền mặt, H, T chia nhau, mỗi người một nửa. Điện thoại Lumia bị hư, vứt xuống sông CB. Điện thoại Iphone 4, H cắm tại quán BNg được 400.000đồng, tiêu xài hết.

Ngày 15/8/2017 các bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Tại phiên tòa, các bị cáo H, T, Ph khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố, trong khoảng thời gian từ 24/7 đến 13/8/2017, các bị cáo đã có hành vi công khai, nhanh chóng giật lấy tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản".

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Thủ tục định giá: Ngày 06/9/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiến hành trưng cầu định giá tài sản. Tại Biên bản định giá và Kết luận định giá tài sản xác định giá trị: 01 điện thoại Iphone - 700.000đồng; 01 điện thoại Huawei - 900.000đồng; 01 điện thoại Lumia - 250.000đồng; 01 túi xách - 150.000đồng. Tổng cộng: 2.000.000đồng.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An tiến hành thu giữ: 01 xe máy Wave màu xanh, biển kiểm soát 37B3-7907 giao trả cho ông Nguyễn Văn D. 01 xe máy Exciter màu đỏ trắng, biển kiểm soát 37L1-482.61 của Nguyễn Văn Ph. 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Phạm Thị M và chị Phạm Thị Khánh H1 đã được gia đình các bị cáo T, H, Ph bồi thường đầy đủ, không yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bá Ng1 không yêu cầu các bị cáo trả lại tiền cắm điện thoại.

- Bản cáo trạng số 154/VKS-HS ngày 01/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản", Nguyễn Văn H và Lê Văn T theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136; Nguyễn Văn Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 136, điểm b (bồi thường thiệt hại), p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 36-42 tháng tù. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 136, điểm b (bồi thường thiệt hại), p khoản 1 Điều 46, điểm g (phạm tội nhiều lần) khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 42-48 tháng tù. Áp dụng: khoản 1 Điều 136; điểm b (bồi thường thiệt hại), p khoản 1 Điều 46; điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph từ 15-18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30-36 tháng. Dân sự: Không xem xét. Vật chứng: Tịch thu xe máy của bị cáo Ph.

Các bị cáo không tranh luận gì về tội danh. Lời nói sau cùng: bị cáo H: đã biết việc làm của mình là sai trái pháp luật, mong quý tòa giảm nhẹ hình phạt, để sớm được về với gia đình và xã hội, làm lại cuộc đời; bị cáo T: xin giảm nhẹ hình phạt, làm lại cuộc đời; bị cáo Ph: xin giảm nhẹ hình phạt, làm lại cuộc đời.

Người bị hại: chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị Khánh H1 vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Bá Ng1 vắng mặt, ông Nguyễn Văn D không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo H, T, Ph khai nhận: vào các ngày 24/7/2017 và 13/8/2017, các bị cáo đã có hành vi giật lấy điện thoại của chị M, túi xách của chị H1 rồi nhanh chóng tẩu thoát. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhận thức được hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người khác rồi tẩu thoát là làm ảnh hưởng, xâm phạm đến quan hệ sở hữu, xâm phạm quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt của chủ tài sản. Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi cố ý. Theo quy định tại điều 136 của Bộ luật hình sự, hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo Ph chạy lại cướp điện thoại của chị M đang đứng chờ xe bus nên bị truy tố theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, T điều khiển xe máy áp sát xe máy chị H1 để giật túi xách, theo hướng dẫn tại tiểu mục 5.3 Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP thì việc dùng xe máy gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại được xem là dùng thủ đoạn nguy hiểm, nên bị truy tố theo điểm d, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Gây ra tâm lý, hoang mang, lo sợ cho người dân, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Các bị cáo đồng phạm giản đơn, nên cần phải xem xét đến vai trò, nhân thân của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt cho phù hợp. Bị cáo H, T là người khởi xướng. Bị cáo Ph là người thực hiện.

Về tình tiết giảm nhẹ hình phạt: các bị cáo H, T, Ph đều có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại. Bị cáo T có bố là người có công với cách mạng.

Về tình tiết tăng nặng hình phạt: Bị cáo Ph, T không có tình tiết tăng nặng, nhưng T có nhân thân xấu (bị kết án về tội "Cướp giật tài sản", tuy đã được xóa án nhưng không lấy đó làm bài học răn đe bản thân mà tiếp tục phạm tội). Bị cáo H phạm tội nhiều lần. Nên cần cách ly các bị cáo H, T ra ngoài xã hội một thời

gian mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo Ph. Ngoài lần phạm tội này, thì từ trước tới nay chưa có vi phạm gì. Có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa cần thiết phải cách ly ra ngoài xã hội mà giao cho chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục, cải tạo thành công dân có ích.

Hình phạt bổ sung: các bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Vật chứng: xe máy của ông D, bị cáo H dùng làm phương tiện phạm tội, ông D không biết, nên cơ quan điều tra đã trả cho ông D là đúng pháp luật. 01 điện thoại Iphone 4 trả lại cho chị H1. 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, mang biển kiểm soát 37L1-482.61 màu đỏ trắng của bị cáo Nguyễn Văn Ph, Ph sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên tịch thu, hóa giá, sung quỹ Nhà nước.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Phạm Thị M được gia đình H, T bồi thường 5.000.000đồng (năm triệu đồng), chị Phạm Thị Khánh H1 đã được gia đình H, Ph bồi thường, nên không yêu cầu gì nữa. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông D đã nhận lại xe máy, anh Nguyễn Bá Ng1 không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền đã cắm điện thoại.

Về án phí hình sự: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn T và Nguyễn Văn Ph phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng: điểm d khoản 2 điều 136; điểm b, p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 15/8/2017).

- Áp dụng: điểm d khoản 2 điều 136; điểm b, p khoản 1, 2 điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 15/8/2017).

- Áp dụng: khoản 1 điều 136; điểm b, p khoản 1 điều 46; điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Ph cho Ủy ban nhân dân xã QG, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục bị cáo, thông báo kết quả chấp hành án của bị cáo với Ủy ban nhân dân xã khi có yêu cầu.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, hóa giá, sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, mang biển kiểm soát 37L1-482-61 màu đỏ trắng của bị cáo Nguyễn Văn Ph (Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho số 230 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).

Án phí: áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn T, Nguyễn Văn Ph, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Quang Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- CA huyện D(NVCS);
- CCTHA Dân sự huyện D;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.